

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 877/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1995; địa chỉ: 42A/1 đường N, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị V có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988; địa chỉ: 729A/2 đường P, tổ 2, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Thạch vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 13-01-2015.

Trong quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Ngọc T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống bất đồng, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không đạt được mục đích hôn nhân. Từ tháng 7 năm 2021 đến nay, chị và anh Nguyễn Ngọc T không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai và bỏ mặc nhau. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Chị và anh Nguyễn Ngọc T có một con chung là cháu Nguyễn Cát Tường A, sinh ngày 01-5-2015. Chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Cát Tường A; chị không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng cho con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Ngọc V tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 13-01-2015.

Trước đây, anh và chị Trần Thị Ngọc V có những điều chưa hiểu hết nhau nên còn cãi vã qua lại; thời gian qua, anh đã hiểu ra nhiều điều nên anh có nguyện vọng vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để cùng nhau chăm lo làm ăn và nuôi dạy con chung.

Anh và chị Trần Thị Ngọc V có một con chung là cháu Nguyễn Cát Tường A, sinh ngày 01-5-2015. Trong trường hợp chị Trần Thị Ngọc V kiên quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Cát Tường A và không yêu cầu chị Trần Thị Ngọc V phải cấp dưỡng cho con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc V; chị Trần Thị Ngọc V ly hôn anh Nguyễn Ngọc T; giao cháu Nguyễn Cát Tường A cho chị Trần Thị Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; chị Trần Thị Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Chị Trần Thị Ngọc V làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T và tranh chấp về nuôi con. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc V đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc T cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 21-11-2022, chị Trần Thị Ngọc V không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh Nguyễn Ngọc T tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 13-01-2015 tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Trần Thị Ngọc V trình bày rằng chị và anh Nguyễn Ngọc T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống bất đồng, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và không đạt được mục đích hôn nhân. Từ tháng 7 năm 2021 đến nay, chị và anh Nguyễn Ngọc T không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai và bỏ mặc nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Anh Nguyễn Ngọc T khai rằng anh và chị Trần Thị Ngọc V có những điều chưa hiểu hết nhau nên còn cãi vã qua lại; thời gian qua, anh đã hiểu ra nhiều điều nên anh có nguyện vọng vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để cùng nhau chăm lo làm ăn và nuôi dạy con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của các bên đương sự thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc T là có thật, phát sinh từ sự không hiểu và không đồng cảm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn này kéo dài và tích tụ qua thời gian nhưng cả hai bên vợ chồng không ai có biện pháp gì tích cực và có hiệu quả để cải thiện, vợ chồng không còn lòng tin và tình cảm yêu thương nhau nữa, nên có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc giữa chị Trần Thị Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc T là không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc V ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Về con: Chị Trần Thị Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc T có một con chung là cháu Nguyễn Cát Tường A, sinh ngày 01-5-2015.

Các đương sự đều mong muốn và có yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn. Sự mong muốn và yêu cầu đó của chị Trần Thị Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc T là hoàn toàn chính đáng; các đương sự đều có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho con.

Tại đơn trình bày ngày 05-12-2022, cháu Nguyễn Cát Tường A có nguyện vọng được ở với chị Trần Thị Ngọc V sau khi chị Trần Thị Ngọc V và anh Nguyễn Ngọc T ly hôn; nguyện vọng của chị Trần Thị Ngọc V và cháu Nguyễn Cát Tường A là chính đáng, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Cát Tường A cho chị Trần Thị Ngọc V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Trần Thị Ngọc V không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Trần Thị Ngọc V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc V.

1.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc V ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

1.2. Về con: Giao cháu Nguyễn Cát Tường A cho chị Trần Thị Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Cát Tường A thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị Ngọc V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002877 ngày 05-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Trần Thị Ngọc V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Ngọc V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 26-4-2023. Anh Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, thành phố P (GCNKH số 10, đăng ký ngày 13-01-2015);
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền